TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01/4/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Bá Thoan

2. Ông Lương Văn Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Kiều – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Phạm Trọng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021; Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021; Giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Trương Văn S – sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá;

Có mặt.

* *Bị đơn*: Chị Lò Thị H – sinh năm 1988

Địa chỉ: Bản X, xã N, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trương Văn S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lò Thị H kết hôn ngày 05/12/2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không chung thủy và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, nên vợ chồng không hòa hợp

được với nhau, không còn yêu thương nhau nữa. Vợ chồng cũng đã tự ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và đoàn tụ được, nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lò Thị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Trương Thế C, sinh ngày 17/5/2012, hiện nay cháu C đang ở cùng với anh. Sau ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C. Trong đơn ly hôn và bản tự khai ngày 21/12/2020, anh có yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07 tháng 01 năm 2021, anh S đã tự nguyện rút yêu cầu về việc cấp dưỡng là anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đối với bị đơn Lò Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng cho chị H (qua người thân là mẹ đẻ chị H) nhưng chị H cố tình vắng mặt, không có lời khai trong hồ sơ, không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng phiên tòa ngày 17/3/2021 chị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt.

* Do vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại Biên bản xác minh về nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và gia đình ngày 04/01/2021, ông Ngân Việt H (Trưởng bản X) cho biết: Anh S, chị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, chị H chung sống với anh S được khoảng hơn 01 năm thì mình chị quay về bản X, xã N sinh sống và đi làm ăn. Anh S cùng cháu C sinh sống tại quê nhà anh S. Thời gian anh S, chị H sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không thấy anh S và cháu C lên bản X chung sống cùng chị H; nguyên nhân dẫn đến việc anh S, chị H mâu thuẫn thì ông không rõ. Anh S và chị H có 01 con chung là Trương Thế C, sinh ngày 17/5/2012, cháu C lâu nay sinh sống, ăn học với anh S từ nhỏ còn chị H thì về quê và đi làm ăn nên việc nuôi con

thì giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp hơn. Anh S, chị H không thấy có tài sản chung gì.

Tại Bản tự khai ngày 21/12/2020, cháu Trương Thế C trình bày: Nếu bố mẹ không sống chung cùng nhau nữa thì nguyện vọng của cháu xin được ở với bố để bố tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Văn S giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng qua người thân nhận thay và thông báo cho chị H biết, nhưng chị H chỉ có ý kiến thông qua người thân mà không đến Tòa án làm việc. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền, không thực hiện hết nghĩa vụ theo vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; Xử cho anh Trương Văn S được ly hôn chị Lò Thị H; Về con chung: Giao cháu Trương Thế C cho anh Trương Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do trong quá trình giải quyết vụ án anh S đã rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí: Anh Trương Văn S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Văn S khởi kiện đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lò Thị H, cư trú tại: Bản X, xã N, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn.

Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Lò Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc; Ngày 17/3/2021,

Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng chị H vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Trương Văn S và chị Lò Thị H kết hôn ngày 05/12/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của anh S là hoàn toàn chính đáng bởi sau khi kết hôn, anh S và chị H chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không chung thủy nên xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã tự ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Nay anh S đề nghị xin được ly hôn chị H là có căn cứ chấp nhận vì thời gian vợ chồng ly thân nhau đã lâu, hơn nữa chị H không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không có thiện chí đoàn tụ để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

[3] Về con chung: Anh Trương Văn S và chị Lò Thị H có 01 con chung là Trương Thế C, sinh ngày 17/5/2012. Hiện nay cháu C đang sinh sống ổn định cùng với anh S. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu, tiếp tục lo cho cháu. Vì vậy, giao cháu C cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện và tại bản tự khai anh S yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa, anh S rút yêu cầu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét việc rút yêu cầu của anh S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 BLTTDS nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về cấp dưỡng.

[4] Về tài sản: Anh Trương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Trương Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn S. Cho anh Trương Văn S ly hôn chị Lò Thị H.

** Về con chung*: Giao cháu Trương Thế C, sinh ngày 17/5/2012 cho Trương Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, anh S không được cản trở.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về cấp dưỡng của anh Trương Văn S.

** Về án phí*: Anh Trương Văn S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0002855 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Anh Sang đã nộp đủ án phí.

** Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, anh S được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án, hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuân